

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 669/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07 – 6 – 2018.

V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trinh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn.

2. Ông Lê Văn Rồi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1994. (Có mặt)

Thường trú: Số 302/6 đường Nguyễn Thị R, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Thường trú: Số 824 đường Trung L, tổ 7 ấp S, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn xin ly hôn ngày 27/02/2018 và lời khai của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Th trình bày:

Bà Th và ông T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H vào ngày 12/11/2013. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó trong sinh hoạt vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, từ tháng 02/2018 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phúc Gia B, sinh ngày 23/8/2014, bà Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn ông Huỳnh Minh T trình bày:

Về thời điểm kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng theo trình bày của bà Th là đúng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phúc Gia B, sinh ngày 23/8/2014; ông T đồng ý giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp và hòa giải vận động, thuyết phục để các đương sự tự nguyện thỏa thuận đoàn tụ với nhau nhưng ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Th và ông T giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Do đó phải đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Th giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên; đối với bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Th yêu cầu ly hôn đối với ông Huỳnh Minh T, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Huỳnh Minh T cư trú tại xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Huỳnh Minh T tại phiên tòa:

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ ông T đến Tòa án tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông T đã có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Huỳnh Minh T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Th đối với bị đơn ông Huỳnh Minh T, xét thấy:

Căn cứ lời trình bày của bà Th, ông T và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: bà Th, ông T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H vào ngày 12/11/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa bà Th, ông T không hạnh phúc, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, đến tháng 02/2018 vợ chồng đã ly thân không còn sống chung cho đến nay, bà Th và ông T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Th, ông T là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Th ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phúc Gia B, sinh ngày 23/8/2014, hiện nay do bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Th yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay con chung Huỳnh Phúc Gia B còn nhỏ, đang được bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; nhằm tạo điều kiện ổn định về tâm sinh lý của trẻ và sự cần thiết chăm sóc nuôi dưỡng con của người phụ nữ, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Huỳnh Phúc Gia B cho bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T theo yêu cầu của bà Th, ông T là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà Th và ông T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Th phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 96, 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu Th đối với ông Huỳnh Minh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu Th ly hôn ông Huỳnh Minh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phúc Gia B, sinh ngày 23/8/2014; giao trẻ Huỳnh Phúc Gia B cho bà Phạm Thị Thu Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Phúc Gia B đối với ông Huỳnh Minh T cho đến khi có yêu cầu của bà Phạm Thị Thu Th. Việc giao nhận trẻ Huỳnh Phúc

Gia B do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị Thu Th phải chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị Thu Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032024 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị Thu Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Huỳnh Minh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND.H Củ Chi;
- Chi cục THADS. H Củ Chi;
- UBND nơi cấp giấy CN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức